



Bài báo nghiên cứu

THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM THỜI KÌ HỘI NHẬP QUỐC TẾ

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Hồng Nhung – Email: hongnhung@hcmussh.edu.vn

Ngày nhận bài: 01-4-2024; ngày nhận bài sửa: 12-8-2024; ngày duyệt đăng: 18-12-2024

TÓM TẮT

Bài viết làm rõ vai trò của kinh tế tư nhân (KTTN) trong nông nghiệp thời kì hội nhập quốc tế. KTTN ngày càng chứng tỏ được sức mạnh đối với quá trình tăng trưởng kinh tế nông nghiệp. Từ đó, thực trạng KTTN trong nông nghiệp ở Việt Nam được phân tích dưới nhiều khía cạnh. Số lượng doanh nghiệp trong nông, lâm, thủy sản tăng nhưng rất chậm so với mức tăng tổng số doanh nghiệp cả nước. Không những vậy, các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ. KTTN góp phần đẩy mạnh tái cơ cấu nền nông nghiệp đất nước, tham gia mô hình liên kết để tạo chuỗi giá trị nông sản. Tuy nhiên, KTTN trong nông nghiệp ở Việt Nam phát triển chậm do nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Từ thực trạng phát triển KTTN trong nông nghiệp, bài viết khuyến nghị sáu giải pháp thúc đẩy phát triển KTTN trong nông nghiệp ở Việt Nam thời kì hội nhập quốc tế.

Từ khóa: nông nghiệp; hội nhập quốc tế; kinh tế tư nhân

1. Đặt vấn đề

Từ Đại hội Đổi mới (Đại hội VI năm 1986), KTTN được coi trọng và khuyến khích phát triển. KTTN từng bước được thừa nhận với vai trò là động lực quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. KTTN chủ yếu bắt đầu phát triển từ năm 1991 ở Việt Nam nhưng khả năng tiếp thị, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước còn rất hạn chế. Trước năm 2000, KTTN vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc xin giấy phép hoạt động vì thủ tục hành chính rườm rà, quy trình kéo dài. Năm 2000, Luật Doanh nghiệp ra đời, vai trò của khu vực tư nhân đã được tăng cường, các chính sách thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đã được thiết lập và thủ tục cấp phép rườm rà đã được thay đổi thành quy trình đăng kí đơn giản hơn nhiều (Hakkala & Kokko, 2007, p.31). Là một quốc gia có thế mạnh nông nghiệp, Việt Nam càng chú trọng phát triển KTTN trong nông nghiệp, đặc biệt là thời kì hội nhập quốc tế. Nông nghiệp có những chuyển biến tích cực kể từ khi Việt Nam kí kết các hiệp định thương mại tự do (FTA) cả song phương và đa phương, hiệp định thương mại tự do Liên

Cite this article as: Nguyen Thi Hong Nhung (2024). Promoting private economic development in Vietnamese agriculture during international integration. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 21(12), 2233-2244.

minh châu Âu-Việt Nam (EVFTA). Thực tế cho thấy, nông nghiệp Việt Nam hội nhập quốc tế có sự đóng góp đáng kể của KTTN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. *Vai trò của kinh tế tư nhân trong nông nghiệp thời kì hội nhập quốc tế*

KTTN được hiểu là một khu vực kinh tế nằm ngoài nhà nước, không thuộc sở hữu của nhà nước về các yếu tố của quá trình sản xuất. KTTN bao gồm các thành phần: kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, tồn tại và hoạt động dưới các hình thức kinh tế hộ gia đình, trang trại, công ti, doanh nghiệp tư nhân và tư nhân góp vốn vào các Tập đoàn kinh tế Nhà nước. Trong các văn kiện Đại hội X (tháng 4/2006), Đại hội XI (tháng 01/2011) của Đảng Cộng sản Việt Nam, vị thế, vai trò của khu vực KTTN được nhắc đến không chỉ là “động lực” mà còn là “động lực quan trọng” để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa¹. Việt Nam xác định hướng đi của nền kinh tế thị trường với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. KTTN ngày càng phát triển và trở thành lực lượng quan trọng, có nhiều đóng góp trong công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước.

Là một bộ phận cấu thành khu vực KTTN của nền kinh tế, KTTN trong nông nghiệp chủ yếu dựa trên sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Nó hiện diện tại các doanh nghiệp, công ti, hộ kinh doanh không phân biệt quy mô, quyền sở hữu và cấu trúc. Nó bao gồm tất cả các lĩnh vực của ngành thực phẩm, nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản từ sản xuất đến tiêu thụ, kể cả các dịch vụ liên quan: nghiên cứu và triển khai khoa học và công nghệ, tài chính, đầu tư, bảo hiểm, tiếp thị và thương mại. Kinh tế hộ nông nghiệp, kinh tế trang trại và doanh nghiệp là ba hình thức phổ biến của KTTN trong nông nghiệp. Vai trò của KTTN trong nông nghiệp có thể được nhìn nhận dưới các khía cạnh sau:

Trước hết, KTTN trong nông nghiệp góp phần khơi dậy các nguồn vốn của xã hội, hỗ trợ phát triển ngành nông nghiệp theo hướng hiệu quả. Ở Việt Nam, trước đổi mới, chỉ có các đơn vị thuộc khu vực công (HTX và nông trường quốc doanh) được phép làm nông nghiệp, nguồn vốn ở khu vực tư không được thừa nhận. Điều này cũng đồng nghĩa với việc một bộ phận nguồn vốn xã hội không được đưa vào sử dụng, ngành nông nghiệp sản xuất dưới mức tiềm năng, gây sự lãng phí. Từ khi đổi mới (năm 1986), nhờ tôn trọng nền kinh tế nhiều thành phần và ngày càng coi trọng phát triển KTTN mà một bộ phận nguồn vốn xã hội đã được khơi dậy và làm cho việc sử dụng có hiệu quả hơn. Các chủ kinh doanh nông

¹ Tại Đại hội X (tháng 4/2006) của Đảng, KTTN chính thức được xác nhận là một thành phần kinh tế trên cơ sở hợp nhất hai thành phần kinh tế: cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân và được xác định rõ: “Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế”. Vai trò của KTTN tiếp tục được khẳng định tại Đại hội XI (tháng 1/2011) với luận điểm: “KTTN là một trong những động lực của nền kinh tế”. Tại Đại hội lần thứ XII, Đảng khẳng định: “KTTN là một động lực quan trọng của nền kinh tế, các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật”.

ng nghiệp ngày càng hướng vào các sản phẩm mà thị trường cần và tạo ra sự năng động trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, KTTN là một trong những nhân tố thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển bền vững chuỗi giá trị nông sản. Qua quá trình thực hiện cơ cấu và cơ cấu lại nông nghiệp, nhiều mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm đã hình thành và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Chuỗi giá trị cho các sản phẩm nông nghiệp được các doanh nghiệp đẩy mạnh hình thành.

Thứ ba, KTTN trong nông nghiệp thúc đẩy xuất khẩu, tăng thu ngân sách nhà nước, hội nhập ngành nông nghiệp với thị trường quốc tế. Bằng nhiều hình thức liên doanh, liên kết với nước ngoài, KTTN thu hút nguồn vốn nước ngoài góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại hàng nông sản của đất nước. Nhờ đó, đóng góp của khu vực KTTN vào doanh thu thuế và ngân sách nhà nước ngày càng nhiều.

Thứ tư, KTTN góp phần kích thích phát triển khoa học và công nghệ trong nông nghiệp. Hầu hết các doanh nghiệp đều nhắm đến mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận bằng cách giảm thiểu các chi phí sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm cung ra thị trường. Muốn vậy, họ phải tăng cường phát triển khoa học và công nghệ, ứng dụng những kết quả đó vào toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh. Do đó, KTTN trong nông nghiệp thực sự quan tâm đến công nghệ sản xuất mới, các giống cây, con mới có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao hơn. Một số lo ngại của công chúng đã được bày tỏ về vai trò ngày càng tăng của khu vực tư nhân trong phát triển công nghệ nông nghiệp bao gồm (i) mất quyền kiểm soát quốc gia đối với hệ thống lương thực, đặc biệt nếu các tập đoàn đa quốc gia nước ngoài trở thành nhà cung cấp đầu vào cho nông dân chiếm ưu thế, (ii) sự phát triển của quyền lực độc quyền trên các thị trường đầu vào có thể làm tăng giá đầu vào, (iii) yếu tố quyết định về công nghệ, trong đó các lựa chọn của nông dân có thể bị giới hạn đối với các công nghệ được các nhà phát triển tư nhân ưa chuộng, chẳng hạn như hạt giống lai và cây trồng biến đổi gen, và (iv) sự ưa thích để phục vụ nhu cầu của các trang trại thương mại lớn với chi phí của các chủ sở hữu nhỏ. Bằng chứng rõ ràng là khu vực tư nhân đã có những đóng góp lớn trong việc nâng cao năng suất nông nghiệp ở cả các nước phát triển và đang phát triển (Fuglie, 2016, p.37).

Thứ năm, KTTN trong nông nghiệp góp phần giải quyết việc làm, nâng cao chất lượng lao động nông thôn, hỗ trợ quá trình xây dựng nông thôn mới. KTTN trong nông nghiệp thu hút một lượng lao động khá đông đảo, giải quyết việc làm cho nhiều người, góp phần cải thiện và ổn định đời sống cho người dân nông thôn, giảm khoảng cách lạc hậu giữa thành thị và nông thôn. Trong khi hỗ trợ cho nông nghiệp (đặc biệt là hỗ trợ quy mô lớn) ở các nước phát triển tiếp tục ở mức đáng kể, thì ở các nước đang phát triển, cả khu vực nhà nước và tư nhân đều đầu tư ít hơn vào nông nghiệp. Cần tăng cường đầu tư không chỉ thúc đẩy sản xuất theo cách “không gây hại” (does no harm), nhưng theo cách “có lợi hơn” (does more good). Điều phải đạt được thông qua “đầu tư nông nghiệp tích cực” (positive

agricultural investment) là tăng trưởng kinh tế bao trùm, bền vững về môi trường và giảm nghèo trong dài hạn (Sahan & Mikhail, 2012, p.2).

Trong lĩnh vực nông nghiệp, không thể phủ nhận vai trò thiết yếu của đầu tư công như Erich Sahan & Monique Mikhail khẳng định: “Đầu tư tư nhân (private investment) nên bổ sung cho đầu tư của khu vực công (public sector investment). Khu vực tư nhân không thể thay thế khu vực công trong nông nghiệp². Tuy nhiên, trong khi tình trạng thiếu đầu tư công đang nổi bật và là rào cản chính để tạo ra một hệ thống lương thực công bằng, nông nghiệp vốn là nỗ lực của khu vực tư nhân. “Khi đi đôi với môi trường chính sách phù hợp, đầu tư tư nhân có thể là chất xúc tác cho tăng trưởng kinh tế bao trùm, bền vững môi trường và giảm nghèo trong dài hạn. Những thành tựu đó đòi hỏi sự đổi mới, tập trung lâu dài và cách tiếp cận toàn diện hơn của khu vực tư nhân” (Sahan & Mikhail, 2012, p.13). KTTN ngày càng chứng tỏ được sức mạnh trong việc huy động các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp. Vai trò của KTTN trong nông nghiệp được khẳng định đối với quá trình tăng trưởng kinh tế nông nghiệp, tái cơ cấu nông nghiệp. Nhận thức đầy đủ vai trò của KTTN trong nông nghiệp sẽ góp phần đưa nông nghiệp Việt Nam cất cánh trên bước đường hội nhập quốc tế.

2.2. *Thực trạng kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở Việt Nam*

Mặc dù trong cơ cấu kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm tỉ trọng từ 16,26% năm 2011 xuống còn 11,88% năm 2022 nhưng giá trị tổng sản phẩm trong nước tăng lên đáng kể, từ 575.554,56 tỉ đồng (năm 2011) lên 1.129.908,12 tỉ đồng (năm 2022) (General Statistics Office). Giảm tỉ trọng ngành nông, lâm, thủy sản trong cơ cấu kinh tế là xu thế tất yếu khi đất nước đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Dù vậy, nông nghiệp vẫn giữ vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Việt Nam từng bước thoát khỏi nhóm nước nghèo, thu nhập thấp, gia nhập nhóm nước có thu nhập trung bình, hội nhập ngày càng sâu rộng hơn với kinh tế thế giới. Các sản phẩm nông sản và thực phẩm chế biến của Việt Nam có mặt tại trên 180 quốc gia và vùng lãnh thổ. Rất nhiều ngành trong lĩnh vực này đã đóng góp hơn 1 tỉ USD vào kim ngạch xuất khẩu hàng năm, đặc biệt một số ngành như thủy sản đã đóng góp hơn 10 tỉ USD (Ai Van, 2023). Thời kì hội nhập quốc tế, KTTN ở Việt Nam phát triển rõ nét và tham gia ngày càng tích cực vào lĩnh vực nông nghiệp.

Về số lượng, theo số liệu năm 2019, các doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong khu vực nông nghiệp “còn rất mỏng”, trong số 500.000 doanh nghiệp chỉ có 6000 đơn vị hoạt

² Đầu tư công có những vai trò quan trọng, đặc biệt là trong việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ các nhà sản xuất thực phẩm quy mô nhỏ nghèo nhất và ít sẵn sàng cho thị trường nhất, những người mà các công ty hiện có rất ít động lực để tham gia. Khu vực công cũng có một chức năng quan trọng: thiết lập các chính sách phù hợp để điều chỉnh đầu tư sao cho nó “không gây hại”, và các động lực phù hợp để khuyến khích đầu tư “có lợi hơn”. Đây là lí do tại sao khu vực tư nhân không thể thay thế khu vực công trong nông nghiệp. (Sahan & Mikhail, 2012, p.2).

động trong lĩnh vực nông nghiệp (Hoang Ha, 2019). Tính đến năm 2022, cả nước có 12.094 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản trong tổng số 895.876 doanh nghiệp và khoảng 16 triệu hộ nông thôn và trên 1 triệu hộ thành thị hoạt động nông, lâm nghiệp, diêm nghiệp và thủy sản, chủ yếu sản xuất ở quy mô nhỏ lẻ, phân tán, giá trị sản xuất thấp và có nhiều rủi ro (Tue Van, 2022). Tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp trong nông, lâm, thủy sản tăng rất chậm so với mức tăng tổng số doanh nghiệp cả nước. Số lượng doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp vẫn ở mức khiêm tốn, chỉ chiếm hơn 1% số doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam. Không những vậy, các doanh nghiệp đầu tư vào ngành nông nghiệp đa số có quy mô nhỏ. Điều này phản ánh KTTN chưa giành sự quan tâm đúng mức cho lĩnh vực nông nghiệp.

Về thu hút nguồn lực đầu tư, do tồn tại và hoạt động dưới các hình thức hộ nông nghiệp, trang trại và doanh nghiệp tư nhân, với đặc điểm là các đơn vị sản xuất có quy mô vừa và nhỏ, hoạt động phân tán ở hầu hết các địa phương, các vùng lãnh thổ, nên khu vực KTTN càng có điều kiện hơn so với các doanh nghiệp quy mô lớn trong việc tận dụng, khai thác và sử dụng các tiềm năng vốn có, nằm rải rác trong nông thôn cho phát triển sản xuất. Nhờ có khu vực KTTN, đặc biệt là khối doanh nghiệp đã từng bước đưa hàng nông sản Việt Nam tiến sâu vào thị trường thế giới, nhiều mặt hàng nông sản đã khẳng định được vị trí vững chắc tại các thị trường khó tính. Khi hội nhập kinh tế quốc tế, KTTN đã tạo thêm một kênh thu hút đầu tư. Một số tập đoàn kinh tế lớn quan tâm đầu tư vào chế biến sản phẩm nông nghiệp. Năm 2020, có 18 dự án với tổng mức đầu tư trên 20.000 tỉ đồng được khởi công, khánh thành, đi vào hoạt động, tăng 04 dự án và khoảng 6000 tỉ đồng so với năm 2019. Các doanh nghiệp đã tạo bước đột phá về chế biến xuất khẩu, giúp nâng cao chất lượng, mẫu mã và đa dạng hàng nông sản, góp phần tiêu thụ sản phẩm cho người nông dân (Le, 2021).

KTTN góp phần đẩy mạnh tái cơ cấu trong nông nghiệp Việt Nam. Năm 2013, Việt Nam ban hành Đề án tái cơ cấu nông nghiệp Việt Nam, chỉ ra những cơ hội và thách thức. Đề án có đề cập việc tăng cường sự tham gia của tất cả các thành phần kinh tế, xã hội từ trung ương đến địa phương trong quá trình tái cơ cấu ngành. Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và sử dụng tài nguyên hiệu quả hơn, nông dân và doanh nghiệp trực tiếp đầu tư đổi mới quy trình sản xuất, công nghệ và thiết bị. Sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị đã phát triển với nhiều nội dung, hình thức đa dạng. KTTN đã năng động và đạt nhiều thành quả tích cực trong sản xuất nông nghiệp và dịch vụ nông thôn. Trong điều kiện giá cả vật tư đầu vào tăng cao, diễn biến bất lợi của thời tiết nhưng cơ cấu cây trồng vật nuôi, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp tiếp tục phát triển đúng hướng. Nhiều loại cây trồng, vật nuôi có hiệu quả kinh tế cao tiếp tục tăng như rau an toàn, hoa cây kiểng, đồng cỏ, thức ăn gia súc; sản lượng sữa bò, thịt heo hơi, sản lượng tôm nước lợ, cá cảnh, cá sấu... Diện tích gieo trồng lúa giảm. Khi tái cơ cấu nông nghiệp, Việt Nam đảm bảo vẫn giữ 3,8 triệu héc-ta để trồng lúa, nhưng quy hoạch chuyển một số diện tích sang các cây trồng khác có thu nhập

cao hơn. Các doanh nghiệp đặt ra yêu cầu nâng cao chất lượng hàng nông sản xuất khẩu, đảm bảo đạt yêu cầu theo tiêu chuẩn VietGap, Global Gap.

Mô hình liên kết để tạo chuỗi giá trị nông sản có sự góp mặt của KTTN. Các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị theo mô hình liên kết “6 nhà”³ dần trở nên khá phổ biến, mang lại hiệu quả kinh tế cao. Nhà nước đưa ra nhiều ưu đãi về đất đai, thuế và hỗ trợ đầu tư về đào tạo nguồn nhân lực, phát triển thị trường, áp dụng khoa học công nghệ... nên doanh nghiệp “mặn mà” đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn hơn, trở thành nòng cốt trong chuỗi giá trị nông sản.

Việc lựa chọn phương thức phát triển chuỗi giá trị các nhóm sản phẩm dựa trên các nguyên tắc: Lấy doanh nghiệp làm hạt nhân, liên kết với các thành phần trong chuỗi giá trị; bên cạnh vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp lớn, Nhà nước đặc biệt lưu ý đến phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, các tổ chức của nông dân; lấy đây làm nền tảng và khâu trung gian quan trọng để kết nối nông hộ nhỏ vào các chuỗi giá trị nông nghiệp một cách toàn diện và bền vững. Có ba hình thức liên kết của doanh nghiệp với hộ sản xuất:

Một là, Thông qua hợp đồng thu mua nông sản là mô hình liên kết phổ biến nhất. Các hộ sản xuất nhỏ lẻ vẫn bán qua hệ thống thương lái, chỉ một phần nhỏ có liên kết với các doanh nghiệp thông qua hợp đồng cung cấp đầu vào.

Hai là, Hộ nông dân hợp đồng gia công cho doanh nghiệp (chủ yếu phổ biến trong chăn nuôi, nhất là trong nuôi lợn, gà). Đây là hình thức liên kết chuỗi giá trị khép kín từ khâu sản xuất đến khâu chế biến, giết mổ và tiêu thụ được thực hiện giữa người chăn nuôi với doanh nghiệp.

Ba là, Loại hình hộ nông dân góp vốn, đất và làm thuê cho doanh nghiệp. Đây là hình thức khá tiên tiến và có một số doanh nghiệp trong ngành mía đường, cao su đang áp dụng. Các doanh nghiệp xây dựng các chuỗi liên kết khép kín theo cách thuê/mua đất của nông dân và sau đó thuê chính người đã bán/cho thuê đất làm việc theo quy trình và tiêu thụ trực tiếp trong các chuỗi cửa hàng, siêu thị của các doanh nghiệp này.

Hình thức liên kết nông dân – doanh nghiệp, trong đó, doanh nghiệp cung cấp vật tư đầu vào cho nông dân (vận chuyển tận nơi, nợ cuối vụ thanh toán, khấu trừ vào lúa bán cho doanh nghiệp, cử cán bộ kỹ thuật hướng dẫn...), hoặc doanh nghiệp chỉ có hợp đồng thu mua lúa với giá cao hơn giá thị trường. Nhiều mô hình điển hình, mang lại hiệu quả kinh tế như: Công ty CP Bình Điền bán phân bón theo giá gốc, hỗ trợ chi phí vận chuyển đến mô hình và cho nông dân nợ 4 tháng; Công ty cổ phần Bảo vệ thực vật An Giang: cung ứng giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho nông dân với lãi suất 0%, sau khi thu hoạch nông dân được hỗ trợ chi phí vận chuyển, sấy và lưu kho trong 30 ngày; Công ty GenTraco: cung ứng giống lúa với lãi suất 0%, thu mua lúa với giá cao hơn từ 0-150 đồng/kg; Công ty Angimex: cung ứng giống, phân bón và thu mua lúa với giá cao hơn từ 200-300 đồng/kg; Mô hình cánh đồng mẫu lớn xã Xuân Kiên

³ “6 nhà” trong liên kết chuỗi phát triển nông sản được hiểu là các thành tố: Nhà nước; Nông dân; Nhà khoa học; Doanh nghiệp; Ngân hàng; Nhà phân phối.

(Nam Định): 290 ha lúa dòn điền đổi thửa, sử dụng cùng 1 giống lúa... Các hình thức tổ chức hợp tác liên kết theo chuỗi gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ được phát triển đa dạng; trong đó, đã hình thành và nhân rộng ở nhiều địa phương và nhiều lĩnh vực như: Lúa gạo vùng Đồng bằng sông Cửu Long, chè ở các tỉnh Tây Nguyên và miền núi phía Bắc, mía đường ở các tỉnh miền Trung, chăn nuôi bò và chế biến sữa ở một số tỉnh miền Trung và Tây Nguyên, nuôi trồng và chế biến thủy sản, chăn nuôi lợn và gia cầm...

Khi KTTN tham gia vào lĩnh vực nông nghiệp sẽ kích thích phát triển khoa học công nghệ để hướng tới giảm chi phí đầu vào và tăng sản lượng, chất lượng nông sản, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, nhất là những thị trường khó tính trên thế giới. Nhiều doanh nghiệp tư nhân trong nước chuyển hướng đầu tư vào nông nghiệp để tận dụng những cơ chế chính sách ưu đãi, cơ hội tiếp cận thị trường mới và giá trị cao từ các hiệp định thương mại. Nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước quan tâm tìm hiểu và đã đầu tư với quy mô lớn, đặc biệt là các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Nhằm tạo công cụ thúc đẩy tiếp thu công nghệ, mô hình vườn ươm doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp đã được xây dựng. Mô hình này chủ yếu tập trung vào các doanh nghiệp, doanh nhân trẻ. Bằng cách cung cấp một loạt các dịch vụ tư vấn, phát triển doanh nghiệp, các vườn ươm doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp trực tiếp hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp, giúp những doanh nghiệp này phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường.

Cùng với kinh tế tập thể, *KTTN đóng vai trò chủ đạo thực hiện chương trình OCOP – mỗi xã một sản phẩm* nhằm phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị. Theo tổng kết năm 2020, đã có 2439 tổ chức kinh tế tham gia sản xuất sản phẩm OCOP được xếp hạng, trong đó khu vực kinh tế tư nhân chiếm 59% (27,5% là doanh nghiệp), còn lại là kinh tế tập thể, hợp tác xã chiếm 41%, cho thấy mục tiêu là rất đúng hướng, là cơ sở, thành tố kinh tế quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn (Nhat Bac, 2021). Thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) đã góp phần đáng kể thay đổi diện mạo nông thôn Việt Nam. Năng suất lao động trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản tăng lên đáng kể, từ 17,63 triệu đồng/người năm 2010 lên 81,07 triệu đồng/người năm 2022 (General Statistics Office).

KTTN trong nông nghiệp tuy vẫn còn nhiều khó khăn, hạn chế do những điều kiện khách quan và chủ quan nhưng đã tạo những chuyển biến đáng kể cho diện mạo kinh tế nông nghiệp Việt Nam. Nông nghiệp Việt Nam chưa đi lên sản xuất lớn, quy mô nhỏ lẻ ảnh hưởng đến khả năng thu hút doanh nghiệp vào liên kết với các hộ nông dân để hình thành vùng nguyên liệu đủ lớn, có thể đầu tư và ứng dụng khoa học kỹ thuật, nhất là nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao nhằm tối đa hóa hiệu quả sản xuất sản phẩm nông, lâm, thủy sản. Năm 2019, cả nước có hơn 27 triệu ha đất nông nghiệp, trong đó đã giao cho các hộ gia đình quản lý và sử dụng khoảng 15 triệu ha, chiếm 55% tổng diện tích. Bình quân diện tích đất nông

ng nghiệp chỉ khoảng 0,46 ha/hộ và được chia thành 2,83 mảnh (BT, 2018). Vấn đề dồn điền đổi thửa đã gây trở ngại cho KTTN trong quá trình đầu tư vào nông nghiệp.

2.3. Giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trong nông nghiệp ở Việt Nam thời kì hội nhập quốc tế

Trong thời kì hội nhập quốc tế, nông dân Việt Nam đứng trước những cơ hội cần phải nắm bắt cực kì hiệu quả. Để nông dân có thể đạt được ước mơ làm giàu từ những cơ hội ấy cần rất nhiều yếu tố, trong đó việc thúc đẩy phát triển KTTN trong nông nghiệp là điều cần thiết. Do đó, bài viết đề xuất một số giải pháp như sau:

Thứ nhất, Nhà nước cần hỗ trợ thành phần KTTN đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; chuyển dần việc cung cấp một số dịch vụ công sang cho tư nhân và các tổ chức xã hội thực hiện; tăng tỉ lệ vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước trong tổng vốn đầu tư vào nông nghiệp. Ngoài ra, để huy động nguồn lực xã hội phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, Nhà nước cần phát triển các hình thức đầu tư có sự tham gia giữa nhà nước và tư nhân (đối tác công tư, hợp tác công tư...). Bên cạnh việc xác định chất lượng nguồn nhân lực chính là chìa khóa để KTTN phát triển bền vững, Chính phủ cần thúc đẩy hoàn thiện cơ chế thị trường đầy đủ, xây dựng quảng bá thương hiệu, tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, giúp KTTN nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và thế giới. Nhà nước cần có những cơ chế chặt chẽ về đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp.

Nhà nước ưu tiên và hỗ trợ cho KTTN trong việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ nông nghiệp, tập trung vào các khâu giống, quy trình sản xuất, chế biến, quản lý chuỗi giá trị. Nhà nước cần xây dựng, hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn sản xuất theo chuỗi đảm bảo sản phẩm đáp ứng các điều kiện về vệ sinh an toàn thực phẩm và sản xuất theo các tiêu chuẩn bền vững về chuỗi giá trị. Do đó, Nhà nước đưa ra chính sách đặc biệt ưu đãi cho KTTN trong phát triển nông nghiệp công nghệ cao, xanh, sạch, hữu cơ, đẩy mạnh chương trình phát triển các chuỗi sản phẩm an toàn đang triển khai, tăng cường công tác truyền thông, quảng bá cho các chuỗi sản phẩm an toàn.

Thứ hai, KTTN tăng cường tiêu thụ nông sản thông qua hợp đồng. Hợp đồng nông sản là một công cụ có tiềm năng giúp giảm chi phí giao dịch liên quan đến các công đoạn tìm nguồn cung nông sản và đưa sản phẩm ra thị trường. Hợp đồng nông sản có lợi cho cả đôi bên. Về phía người mua, nó bảo đảm sự ổn định về chất lượng, khối lượng nếu hoạt động tốt. Nguồn cung và yêu cầu của khách hàng được đáp ứng tốt hơn, giảm rủi ro và chi phí hoạt động. Về phía người sản xuất, cơ chế hợp đồng đem lại lợi ích chính là nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, thêm vào đó là đảm bảo nguồn thu nhập cao, ổn định hơn. Khả năng của nông dân và doanh nghiệp Việt Nam là nhân tố quyết định nếu muốn cạnh tranh hiệu quả trên những thị trường quốc tế, nhất là trong việc cung cấp sản phẩm đáng tin cậy, chất lượng ổn định, bảo đảm an toàn thực phẩm, có bằng chứng rõ ràng về việc áp dụng các quy trình canh tác bền vững. Khi kí hợp đồng sản xuất hay hợp tác với các tổ nhóm nông

dân, các doanh nghiệp nông nghiệp cử cán bộ làm công tác tư vấn, giám sát. Điều này cho thấy doanh nghiệp buộc phải có quy trình truy xuất nguồn gốc hiệu quả nếu tham gia mô hình này.

Các chính quyền địa phương, các công ti đa quốc gia, các tổ chức tài trợ, các nhà thực hiện phát triển và các tổ chức tài chính đều mang đến những quan điểm và kiến thức chuyên môn độc đáo. Sự kết hợp các tổ chức này với nhau có thể mang lại một cách tiếp cận toàn diện hơn cho cả phát triển thị trường và xóa đói giảm nghèo. Tất cả đều có thể có và cần phải có giá trị bằng cách tạo ra hiệu quả lâu dài, bền vững trong chuỗi cung ứng, mang lại cơ hội đầu tư mới trực tuyến và phát triển thị trường nông nghiệp và nông thôn. Chìa khóa để tạo ra giá trị cho thị trường nông thôn và nông sản là tập trung vào nhu cầu thị trường. Như Alex Pavlovic của ACDI / VOCA đã nói: “Hãy sản xuất những gì bạn có thể bán” (Produce what you can sell) (USAID, 2012, p.24).

Thứ ba, KTTN hướng đến xây dựng thương hiệu cho nông sản Việt. Thực trạng đáng buồn là nông sản Việt Nam đa phần xuất khẩu ở dạng thô và gần như không được người sử dụng hay người tiêu dùng cuối cùng biết đến. Các trang trại, doanh nghiệp cần sớm triển khai xây dựng thương hiệu cho các mặt hàng nông sản của mình khi đáp ứng được các yếu tố chính như: được sản xuất trên quy mô lớn với mức độ cơ giới hóa cao, có khối lượng và giá trị tiêu thụ lớn, chất lượng đồng đều, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, giá bán cạnh tranh, có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn trong và ngoài nước. Tạo dựng hình ảnh của nông nghiệp Việt Nam là điều cần thiết để thúc đẩy thương mại trong ngành thực phẩm và các ngành nông nghiệp khác. Muốn tiến xa hơn trên con đường hội nhập, KTTN trong nông nghiệp phải nâng cao thương hiệu quốc gia, nhất là trong những ngành có lợi thế thu hút đầu tư nước ngoài, khách du lịch, hỗ trợ phát triển thị trường trong nước và quốc tế.

Thứ tư, KTTN đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất thông qua công tác khuyến nông, khuyến công, khuyến lâm, khuyến ngư; tăng cường công nghệ chế biến hiện đại, chế biến sâu, tận dụng chế biến các phế phụ phẩm trong sản xuất để tăng giá trị gia tăng cho nông sản. Các doanh nghiệp chú trọng tạo ra những sản phẩm nông nghiệp sạch, nông sản hữu cơ, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP để tăng sức cạnh tranh, chủ động hội nhập. Trong quá trình Việt Nam đổi mới sáng tạo nông nghiệp, khả năng tiếp thu công nghệ của nông dân và doanh nghiệp kinh doanh nông nghiệp đang là một khâu yếu. Nguyên nhân dẫn tới những khiếm khuyết trong hệ thống đổi mới sáng tạo là do doanh nghiệp còn thiếu năng động trong việc nắm vững các quy trình, công cụ mới. Doanh nghiệp chỉ tham gia hạn chế trong các quy trình đổi mới sáng tạo. Bởi vậy, thông qua việc xây dựng kế hoạch kinh doanh, chiến lược tiếp thị và tinh thần dám chấp nhận rủi ro, doanh nghiệp có thể tăng cường khả năng tiếp thu công nghệ.

Thứ năm, tăng cường năng lực cạnh tranh của KTTN trong nông nghiệp, cần có “sân chơi” công bằng cho các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực nông nghiệp. Một trong những rào cản đối với sự phát triển của khu vực tư nhân là “sân

chơi” không đồng đều cho các doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, ngay cả khi các biện pháp quy mô lớn nhằm san bằng “sân chơi” sẽ được thực hiện, thì khu vực tư nhân non trẻ của Việt Nam, chủ yếu dựa vào các doanh nghiệp vừa và nhỏ, sẽ không thể cạnh tranh (...). Do đó, để tận dụng hết tiềm năng tăng trưởng của khu vực tư nhân và đạt được các mục tiêu phát triển đầy tham vọng của đất nước, cần phải tăng cường năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp tư nhân (Hakkala & Kokko, 2007, p.21). Trong nông nghiệp, để tăng cường năng lực cạnh tranh, các doanh nghiệp tư nhân không những phải có tiềm lực tài chính vững mạnh mà còn cần chiến lược đầu tư bài bản, tầm nhìn dài hạn để có được những bước đi “đúng và trúng”.

Thứ sáu, KTTN cần tăng cường chuỗi liên kết, phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp ở Việt Nam. Việc lựa chọn phương thức phát triển chuỗi giá trị các nhóm sản phẩm dựa trên các nguyên tắc: Lấy doanh nghiệp làm hạt nhân, liên kết với các thành phần trong chuỗi giá trị. Bên cạnh vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp lớn, Nhà nước đặc biệt lưu ý đến phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, các tổ chức của nông dân; lấy đây làm nền tảng và khâu trung gian quan trọng để kết nối nông hộ nhỏ vào các chuỗi giá trị nông nghiệp một cách toàn diện và bền vững. Trong thời kì hội nhập quốc tế, chúng ta không chỉ phải phát huy vai trò của kinh tế hộ, mà cần có sự tham gia của doanh nghiệp với vai trò hạt nhân trong phát triển kinh tế nông nghiệp. Thế nhưng các doanh nghiệp tư nhân cũng gặp nhiều khó khăn nếu như không có sự liên kết vững chắc. Nhấn mạnh tầm quan trọng trong sự liên kết giữa các chủ doanh nghiệp và hợp tác xã với các hộ gia đình nông dân nhằm tăng cường liên kết, phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp ở Việt Nam.

Các công ti kinh doanh nông sản đang tìm kiếm sự an toàn trong hoạt động của họ thông qua nguồn cung cấp nguyên liệu dài hạn, ổn định trong khi nông dân đang tìm kiếm thu nhập tăng nhờ tăng khả năng tiếp cận thị trường và hỗ trợ kĩ thuật. Khó gắn kết lợi ích của các công ti kinh doanh nông sản và nông dân; tuy nhiên, với cách tiếp cận đối tác, hai bên có thể tạo ra một tình huống đôi bên cùng có lợi và đạt được mục tiêu của mình. Để tạo ra quan hệ đối tác hiệu quả, các dự án phát triển cần xác định điểm yếu của từng đối tác, hiểu động cơ và động lực của họ, sau đó điều chỉnh các động lực của họ, tạo ra sự chia sẻ (USAID, 2012, p.26). Vai trò nhạc trưởng của các doanh nghiệp trong chuỗi liên kết “6 nhà” đang tạo ra những chuyển biến lớn trong ngành nông nghiệp, đặc biệt khi có sự tham gia của các nhà đầu tư chiến lược là các tập đoàn KTTN có tiềm lực mạnh, cam kết theo đuổi các chiến lược dài hạn với tham vọng đưa các sản phẩm Việt phủ sóng trên toàn cầu.

3. Kết luận

Trong quá trình hội nhập quốc tế, khu vực KTTN được coi là chìa khóa cho sự tăng trưởng kinh tế nông nghiệp ở Việt Nam. Xu hướng hội nhập quốc tế mở ra cho ngành nông nghiệp những cơ hội rất tốt, như: mở rộng thị trường xuất khẩu, tiếp cận với các thị trường lớn trên thế giới; tăng cường cơ hội tiếp cận vốn và khoa học công nghệ; tạo động lực và cơ

hội cho doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp. Để thực hiện tham vọng đưa các sản phẩm Việt phủ sóng trên toàn cầu, đưa nông nghiệp phát triển bền vững, Việt Nam cần có các tập đoàn KTTN có tiềm lực mạnh, cam kết theo đuổi các chiến lược dài hạn. Vai trò của KTTN trong nông nghiệp ngày càng được khẳng định. Với sự góp sức của thành phần KTTN, nông sản Việt không chỉ ở phạm vi trong nước mà mang tầm quốc tế và tham gia sâu hơn vào chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu.

Là một quốc gia có lợi thế so sánh về phát triển nông nghiệp, Việt Nam đã từng bước đưa nền nông nghiệp vươn lên mạnh mẽ, trở thành một nước xuất khẩu nông sản lớn với nhiều mặt hàng nông sản làm nên tên tuổi của Việt Nam trên trường quốc tế. Qua đó khẳng định các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách, các doanh nghiệp Nhà nước và tư nhân khi gia nhập kinh tế quốc tế làm việc “động não hơn, tinh khôn hơn, bình đẳng hơn”. Tuy KTTN trong nông nghiệp được khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để phát triển, nhưng thực tế cho thấy các doanh nghiệp chưa thực sự “mặn mà” trong việc đầu tư vào lĩnh vực này do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan chi phối. Do đó, để thúc đẩy phát triển KTTN trong nông nghiệp, cần kiên quyết thực hiện những giải pháp đồng bộ.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Ai Van (2023). Nong san, thuc pham cua Viet Nam da co mat 180 quoc gia, vung lanh tho [Vietnamese agricultural and food products are present in 180 countries and territories]. *Saigon Liberation Newspaper*. <https://www.sggp.org.vn/nong-san-thuc-pham-cua-viet-nam-da-co-mat-180-quoc-gia-vung-lanh-tho-post694726.html>
- BT (2018). Khuyen khich doanh nghiep tham gia lien ket chuoai san xuat san pham nong, lam, thuy san [Encourage businesses to participate in linking the production chain of agricultural, forestry and fishery products]. *Electronic Newspaper of the Communist Party of Vietnam*. <https://dangcongsan.vn/kinh-te/khuyen-khich-doanh-nghiep-tham-gia-lien-ket-chuoai-san-xuat-san-pham-nong-lam-thuy-san-495034.html>
- Fuglie, K. (2016). The growing role of the private sector in agricultural research and development world-wide. *Global Food Security*, 10, September, 29-38. <https://doi.org/10.1016/j.gfs.2016.07.005>
- General Statistics Office. <https://www.gso.gov.vn>
- Hakkala, K., & Kokko, A. (2007). The State and private Sector in Vietnam. *Working Paper 236*, June, 1-37. <http://swopec.hhs.se/eijswp/papers/eijswp0236.pdf>
- Hoang Ha (2019). Doanh nghiệp tư nhân hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp “con rat mong” [Private enterprises operating in the agricultural sector are still exiguous]. *Business e-*

- magazine. <https://vnbusiness.vn/viet-nam/doanh-nghiep-tu-nhan-hoat-dong-trong-linh-vuc-nong-nghiep-con-rat-mong-1056646.html>
- Le, T. H. (2021). Nong nghiep Viet Nam nam 2020 ban linh vuot kho gianh thang loi [Vietnam's agriculture in 2020 bravely overcomes difficulties to win]. *Numbers and Events Magazine*, (1). <https://consosukien.vn/nong-nghiep-viet-nam-nam-2020-ban-linh-vuot-kho-gianh-thang-loi.htm>
- Nhat Bac (2021). OCOP la mot chuong trinh phat trien kinh te nong ngiep trong tam [OCOP is a key rural economic development program]. *Government Electronic Newspaper*: <https://baochinhphu.vn/ocop-la-mot-chuong-trinh-phat-trien-kinh-te-nong-thon-trong-tam-102289570.htm>
- Sahan, E., & Mikhail, M. (2012). Private Investment in Agriculture. www.Oxfam.org
- Tue Van (2022). De xuat chinh sach uu dai, ho tro kinh te trang trai [Propose preferential policies to support farm economics]. *Government Electronic Newspaper*. <https://baochinhphu.vn/de-xuat-chinh-sach-uu-dai-ho-tro-kinh-te-trang-trai-102220824154914289.htm>
- USAID (2012). Attracting Private Sector Investment to Rural and Agricultural Markets. Lesson from the 2012 conference. https://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PA00XT2X.pdf

PROMOTING PRIVATE ECONOMIC DEVELOPMENT IN VIETNAMESE AGRICULTURE DURING INTERNATIONAL INTEGRATION

Nguyễn Thị Hồng Nhung

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University Ho Chi Minh City, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Hong Nhung – Email: hongnhung@hcmussh.edu.vn

Received: April 01, 2024; Revised: August 12, 2024; Accepted: December 18, 2024

ABSTRACT

The article examines the role of the private economy in Vietnam's agriculture during the period of international integration. It highlights the growing contribution of the private sector to agricultural economic growth while analyzing its current state from various perspectives. Although the number of enterprises in agriculture, forestry, and fishery has increased, the growth rate remains significantly slower than the nationwide rise in enterprises. Moreover, most businesses in this sector operate on a small scale. The private economy plays a pivotal role in driving agricultural restructuring and participating in linkage models to establish value chains. However, its development has been hindered by various objective and subjective factors. Based on this analysis, the article proposes six key solutions to accelerate the growth of the private economy in Vietnam's agricultural sector during international integration.

Keywords: agriculture; international integration; private economy